

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/ HSST
Ngày 08/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Nhớ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Nguyễn Văn Trình

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa có:* Bà Ngô Thùy Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2022/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Ngọc T; tên gọi khác (không) sinh ngày 28 tháng 8 năm 1981 tại Quảng Nam; Nơi ĐKNKTT: tổ 32, phường H T T, quận C L, TP Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Thẻ CCCD: 048181003816 cấp ngày 28/9/2021. Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nữ. Con ông: Nguyễn Hồng M (sinh năm 1953) và bà: Nguyễn Thị Lan (sinh năm 1953). Gia đình có hai người con bị cáo là con út. Chồng Bùi Văn Tiến; Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm: 2006, nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, Tiền sự: không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 18/5/2022 đến ngày 30/7/2022 thì tại ngoại.(Có mặt tại phiên tòa).

** Người bị hại:*

+ Ông Phạm Dương Hưng; sinh năm: 1992

Trú tại: 207 Đường Lý Thái Tổ, phường Diên Hồng, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai
(có đơn xin xét xử vắng mặt)

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Phạm Ngọc Hạnh, sinh năm: 1973

Trú tại: 207 đường Lý Thái Tổ, phường Diên Hồng, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai
(có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Đức Nam; sinh năm: 1966; Trú tại: tổ 10, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 7 năm 2020 Nguyễn Thị Ngọc T nói với bà Nguyễn Thị Đức Nam rằng: T có khả năng giúp người khác mua nhà ở xã hội. Cùng thời gian này, người quen của bà Nam là anh Phạm Dương Hưng có nhu cầu mua nhà ở xã hội tại thành phố Đà Nẵng nên bà Nam giới thiệu T cho anh Hưng. Biết anh Hưng không đủ điều kiện để mua nhà ở xã hội nhưng do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Hưng. T nói dối với anh Hưng rằng T có người quen làm quản lý dự án nhà chung cư tại trung tâm hành chính thành phố Đà Nẵng, có thể liên hệ giúp anh Hưng mua nhà với giá 600.000.000 đồng. Trong khoảng thời gian từ ngày 29/7/2020 đến ngày 05/10/2020, T đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối để anh Hưng tưởng thật và giao tiền cho T, cụ thể:

Lần thứ nhất, vào cuối tháng 7 năm 2020, Nguyễn Thị Ngọc T nói dối cần 20.000.000 đồng để mua hồ sơ mua nhà và làm giấy tạm trú. Ngày 29/7/2020 anh Hưng tin lời T nói nên giao cho T số tiền 20.000.000 đồng. T tự tay viết giấy nhận tiền và đưa cho anh Hưng giữ.

Lần thứ hai, đầu tháng 8 năm 2020, T nói dối cần số tiền 35.000.000 đồng để đặt giữ căn chung cư tại tầng 2, chung cư Phong Bắc. Tin lời T nói là thật nên ngày 05/8/2020, anh Hưng nhờ cha của mình là ông Phạm Ngọc Hạnh chuyển số tiền

30.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Agribank, số tài khoản 2005206107249 của T. Sau đó, tại trước số nhà 300 đường Núi Thành, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng anh Hưng giao thêm cho T 5.000.000 đồng. T tự tay viết giấy nhận tiền và đưa cho anh Hưng giữ.

Lần thứ ba, khoảng giữa tháng 8 năm 2020, T nói dối rằng hồ sơ mua nhà chung cư của anh Hưng đã được chấp nhận nhưng cần thêm 30.000.000 đồng để lo “*chính sách xã hội*” và tiền này sẽ được trừ vào tiền mua chung cư. Vào các ngày 20/8/2020 và ngày 25/8/2020, anh Hưng đã nhờ ông Hạnh chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của T. Anh Hưng là người viết giấy nhận tiền và đưa T ký nhận.

Lần thứ tư, sau khi chiếm đoạt và tiêu xài hết số tiền trên, khoảng hơn 01 tháng sau, T nói dối cần 7.000.000 đồng để thêm vào cho đủ tiền cọc. Vào ngày 05/10/2020, tại trước số nhà 300 đường Núi Thành, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng, anh Hưng giao cho T số tiền 7.000.000 đồng. Anh Hưng viết giấy nhận tiền và đưa T ký nhận. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được của anh Hưng là **92.000.000 đồng**, T đã sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

*** Tài liệu, đồ vật tạm giữ:**

- 01 giấy nhận tiền ngày 29/7/2020 có chữ ký “Nguyễn Thị Ngọc T” ký hiệu A1; 01 (một) giấy nhận tiền có nội dung nhận 35.000.000 đồng vào ngày 03/8/2020 và nhận 30.000.000 đồng vào ngày 20/8/2020, ký hiệu A5; 01 (một) giấy nhận tiền ngày 05/10/2020 có chữ ký “Nguyễn Thị Ngọc T” ký hiệu A4; 01 (một) giấy nhận tiền ngày 23/11/2021 có chữ ký “Nguyễn Thị Ngọc T” ký hiệu A2; 01 (một) giấy cam kết trả lại tiền ngày 27/11/2021 có chữ ký “Nguyễn Thị Ngọc T”.

Căn cứ kết luận giám định số 24/KLTL-KTHS của phòng Kỹ Thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng xác định chữ viết và chữ ký trên các mẫu giám định ký hiệu từ A1 đến A5 (trừ chữ ký trên mẫu A1 không thể xác định có phải của T hay không và chữ viết từ dòng thứ 12 đến dòng thứ 19 trên mẫu A5 xác định không phải do T viết) là do Nguyễn Thị Ngọc T viết và ký.

Tại Bản cáo trạng số 55/KSĐT ngày 15/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ Điều 174 BLHS, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, n, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 04 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đối với toàn bộ giấy nhận tiền giữa anh Hưng với T là tài liệu, chứng cứ của vụ án nên đóng dấu bút lục chuyển cùng hồ sơ vụ án phục vụ xét xử.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, T đã tự nguyện bồi thường cho anh Hưng số tiền 20.000.000 đồng, anh Hưng yêu cầu T trả lại số tiền còn lại là 72.000.000 đồng, đến nay T vẫn chưa bồi thường, do đó đề nghị HĐXX tuyên buộc bc phải bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 72.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Cẩm Lệ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về xác định hành vi tội phạm*: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp

với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Trong thời gian từ ngày 29/7/2020 đến ngày 05/10/2020, tại địa bàn quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, để có tiền tiêu xài nên Nguyễn Thị Ngọc T đã 04 lần đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng liên hệ với những người có thẩm quyền để mua nhà ở xã hội cho anh Phạm Dương Hưng khiến anh Hưng tin tưởng giao cho T tổng số tiền là **92.000.000 đồng**. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được của anh Hưng, T sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Nguyễn Thị Ngọc T có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt của ông Phạm Dương Hưng tổng số tiền 92.000.000 đồng. Hành vi của T đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất mức độ, vai trò phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thì thấy:*

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng đã xâm hại đến lòng tin của nhân dân, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Do vậy, hành vi của bị cáo cần xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3.1] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, ông Phạm Ngọc Hạnh xác định số tiền ông chuyển cho bị cáo là số tiền của anh Hưng nên xác định toàn bộ số tiền 92.000.000 đồng là bị cáo chiếm đoạt của anh Hưng. Để chiếm đoạt số tiền 92.000.000 đồng của người bị hại, bị cáo đã bốn lần đưa ra thông tin gian dối để người bị hại tin tưởng và giao tiền cho bị cáo. Mỗi lần bị cáo muốn bị hại giao tiền đều đưa ra các thông tin gian dối để bị hại tin tưởng và đưa tiền. Do vậy, hành vi của bị cáo phải chịu thêm tình tiết “*Phạm tội hai lần trở lên*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đã khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại, bị cáo hiện đang mang thai, gia đình bị cáo có ông, bà, cha, mẹ có công với đất nước. Nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm n, b,s khoản 1, 2 Điều

51 của Bộ luật hình sự sẽ được HĐXX áp dụng để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] *Về Xử lý vật chứng*: Vật chứng gồm 01 giấy nhận tiền ngày 29/7/2020 có chữ ký “Nguyễn Thị Ngọc T” ký hiệu A1; 01 (một) giấy nhận tiền có nội dung nhận 35.000.000 đồng vào ngày 03/8/2020 và nhận 30.000.000 đồng vào ngày 20/8/2020, ký hiệu A5; 01 (một) giấy nhận tiền ngày 05/10/2020 có chữ ký “Nguyễn Thị Ngọc T” ký hiệu A4; 01 (một) giấy nhận tiền ngày 23/11/2021 có chữ ký “Nguyễn Thị Ngọc T” ký hiệu A2; 01 (một) giấy cam kết trả lại tiền ngày 27/11/2021 có chữ ký “Nguyễn Thị Ngọc T” sẽ được lưu trữ đi kèm theo hồ sơ vụ án.

[5] *Về trách nhiệm bồi thường dân sự*: Tổng số tiền bị cáo đã nhận của người bị hại là 92.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường cho bị hại 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại 72.000.000 đồng bị cáo chưa bồi thường. Căn cứ vào Điều 589 Bộ Luật dân sự; Buộc bị cáo T trả lại cho anh Phạm Dương Hưng số tiền là 72.000.000 đồng.

[6] *Các vấn đề liên quan khác đến vụ án*:

Đối với bà Nguyễn Thị Đức Nam là người giới thiệu T cho anh Hưng do bản thân bà Nam cũng tin tưởng T có khả năng giúp anh Hưng mua nhà chung cư, bà Nam không biết về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ không đề cập xử lý là có cơ sở.

[7] *Về án phí*: Bị cáo T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Án phí dân sự bị cáo T phải chịu là 3.600.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

1. *Căn cứ*: điểm c khoản 2 Điều 174, điểm n, b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T 03 (ba) năm tù. (Trừ 74 ngày tạm giam từ ngày 18/5/2022 đến ngày 30/7/2022). Buộc bị cáo phải chấp hành là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng 16 (mười sáu) ngày.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. *Về trách nhiệm dân sự*: Căn cứ vào Điều 589 Bộ Luật dân sự

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T trả cho anh Phạm Dương Hưng số tiền 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng).

3. *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu toàn bộ vật chứng gồm: 01(một) giấy nhận tiền ngày 29/7/2020 có chữ ký “Nguyễn Thị Ngọc T” ký hiệu A1; 01 (một) giấy nhận tiền có nội dung nhận 35.000.000 đồng vào ngày 03/8/2020 và nhận 30.000.000 đồng vào ngày 20/8/2020, ký hiệu A5; 01 (một) giấy nhận tiền ngày 05/10/2020 có chữ ký “Nguyễn Thị Ngọc T” ký hiệu A4; 01 (một) giấy nhận tiền ngày 23/11/2021 có chữ ký “Nguyễn Thị Ngọc T” ký hiệu A2; 01 (một) giấy cam kết trả lại tiền ngày 27/11/2021 có chữ ký “Nguyễn Thị Ngọc T” lưu trữ đi kèm theo hồ sơ vụ án.

4. *Về án phí*: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

5. *Về quyền kháng cáo đối với bản án*: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- CQĐT Công an quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Văn Nhó

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- CQĐT Công an quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS quận Cẩm Lệ;
- Trại tạm giam Công an TP. Đà Nẵng
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Văn Nhó

HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- CQĐT Công an quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS quận Cẩm Lệ;
- Trại tạm giam Công an TP. Đà Nẵng
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Văn Nhó

HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- CQĐT Công an quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS quận Cẩm Lệ;
- Trại tạm giam Công an TP. Đà Nẵng
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Văn Nhó

HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Công an quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lệ Hằng